

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

NGUYỄN XUÂN QUẢNG

Giáo trình thuế



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

NGUYỄN XUÂN QUẢNG

Giáo trình
THUẾ

(Sách dùng cho sinh viên các ngành kinh tế - kỹ thuật.

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

LỜI NÓI ĐẦU

Từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, thời gian tuy chưa dài, nhưng đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội. Điều đó chứng tỏ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước trong những năm đầu thực hiện cơ chế kinh tế mới.

Một trong những nguyên nhân quan trọng có được những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội là chúng ta đã sử dụng khá hiệu quả và vận hành đồng bộ các công cụ tài chính – tiền tệ – ngân hàng, đầu tư... trong nền kinh tế theo định hướng mới. Trong đó, “**Thuế Nhà nước**” luôn được xem trọng và ngày càng được hoàn thiện.

Thuế là gì? Đó không phải chỉ là một câu hỏi mang tính chất lý thuyết sâu sắc, mà câu trả lời sẽ có một tầm quan trọng thực tiễn nhất định.

Thuế là một phạm trù kinh tế rất phức tạp ảnh hưởng đến đời sống của hết thảy mọi người. Do vậy thuế mang ý nghĩa xã hội sâu sắc.

Dưới chế độ ta, thuế như là một thông điệp của Chính phủ gửi đến các doanh nghiệp và dân chúng nhằm bày tỏ quan điểm, chủ trương và hành động của mình đối với chương trình phát triển kinh tế, xã hội. Do vậy giữa Chính phủ và những người nộp thuế để có tiếng nói chung.

Tuy nhiên, do thực tế khách quan để lại, việc nâng cao nhận thức về thuế, nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước vẫn đang là việc làm rất cần thiết ở nước ta hiện nay.

Xét thấy việc trang bị kiến thức về thuế cho sinh viên các ngành kinh tế – kỹ thuật trong Trường Đại học Bách khoa Hà Nội là rất quan trọng, chúng tôi biên soạn cuốn sách này nhằm phục vụ cho việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu của cán bộ, sinh viên nhà trường.

Cuốn sách gồm ba phần:

Phần I: Những vấn đề chung về thuế

Phần II: Các luật thuế hiện hành của Việt Nam

Phần III: Quản trị thuế.

Do tính chất và yêu cầu của chương trình, nên phần III chúng tôi chưa trình bày chi tiết trong cuốn sách này.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã nhận được nhiều ý kiến quý báu của Hội đồng khoa học, các thầy cô giáo trong khoa Kinh tế và Quản lý của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội và các bạn trong và ngoài trường.

Vi trình độ còn hạn chế, giáo trình không khỏi có những khiếm khuyết, kính mong nhận được sự đóng góp của quý bạn đọc. Thư góp ý xin gửi về khoa Kinh tế và Quản lý Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

Tác giả

PHẦN I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ

Chương I

LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ VAI TRÒ CỦA THUẾ ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI

I. NGUỒN GỐC RA ĐỜI VÀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA THUẾ

I.1. Nguồn gốc ra đời, sự tồn tại và phát triển của thuế

Lịch sử tiến hoá nhân loại cho thấy rằng, những nhân tố quan trọng nhất và trực tiếp nhất để thuế ra đời và phát triển cao như hiện nay, đó là:

I.1.1. Sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước

Nền kinh tế sản xuất hàng hoá dựa trên sự phân công lao động xã hội là nguyên nhân hình thành các giai cấp trong xã hội. Giai cấp xuất hiện, kèm theo đó nảy sinh mâu thuẫn quyền lợi xã hội của các giai cấp khác nhau, đương nhiên có đấu tranh giai cấp. Từ đó tất yếu Nhà nước ra đời, đại diện cho quyền lợi của một giai cấp nhất định.

Nhà nước với tư cách là một công cụ quản lý xã hội, có quyền lực chính trị cao nhất, dung hòa mâu thuẫn quyền lợi của các giai cấp trong một khuôn khổ nhất định. Để duy trì quyền lực chính trị, Nhà nước nhất thiết phải tạo cơ sở vật chất cho mình bằng cách bắt buộc các công dân phải đóng góp, do đó thuế ra đời. Thuế là hình thức tài chính đầu tiên được Nhà nước sử dụng để động viên một phần

của cải vật chất ban đầu dưới hình thái hiện vật, sau đó là tiền tệ để nhằm thực hiện các chức năng của Nhà nước.

Thuế cũng là hình thức tài chính mang tính chất cưỡng chế ngay khi xuất hiện Nhà nước đầu tiên trong lịch sử loài người và tồn tại đến ngày nay.

1.1.2. Sự ra đời và phát triển của quan hệ hàng hóa – tiền tệ

Ban đầu người dân nộp thuế bằng hiện vật. Hình thức thu nộp thuế này dần dần bộc lộ những nhược điểm về quản lý con người, công việc, kho tàng, bảo quản chi tiêu... Cùng với sự phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hóa, đồng tiền ra đời.

Người ta thấy rằng, nếu dùng tiền để nộp thuế, rồi chi tiêu thì tiện lợi vô cùng. Thoạt tiên những người giàu có “mua” sưu dịch (dùng tiền thuê người khác đi thay và trả thù lao cho họ). Sau đó Nhà nước thấy được sự thuận tiện của việc giao dịch này, nên đứng ra tổ chức thu tiền sưu dịch (hình thức thu thuế bằng tiền đầu tiên ra đời).

Vậy nhân tố thứ hai, sau Nhà nước làm tiền để cho sự ra đời của thuế chính là sự ra đời và phát triển của quan hệ hàng hóa - tiền tệ, mà đỉnh cao là sự xuất hiện của tiền tệ.

Qua sự phân tích trên ta thấy, thuế là một phạm trù kinh tế - lịch sử, nghĩa là sự phát sinh và tồn tại của nó có tính chất khách quan.

Trong hai tiền đề nêu trên, tiền đề Nhà nước đóng vai trò quyết định, còn sự ra đời của tiền tệ mang tính chất xúc tác. Thuế gắn chặt với Nhà nước, thuế do Nhà nước định ra và được sử dụng để thực hiện các mục tiêu của Nhà nước. Mỗi sắc thuế ban ra bao giờ cũng chứa đựng những chính sách lớn của Nhà nước đối với đời sống kinh tế - xã hội.

Một lần nữa khẳng định bản chất của thuế do bản chất Nhà nước quyết định. Thuế chỉ mất đi khi Nhà nước không còn lý do tồn tại.

1.2. Sơ lược quá trình phát triển của thuế

1.2.1. Quá trình phát triển của thuế trên thế giới

Quá trình phát triển của thuế trên thế giới có thể chia làm ba giai đoạn

Giai đoạn 1: Từ đầu thời kỳ chiếm hữu nô lệ đến thời kỳ tiền tư bản.

Giai đoạn 2: Thời kỳ chuyển sang hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Giai đoạn 3: Thời kỳ chuyển sang chế độ dân chủ hóa nền kinh tế, xã hội.

a. Giai đoạn 1: Từ đầu thời kỳ chiếm hữu nô lệ đến thời kỳ tiền tư bản

Tác dụng duy nhất của thuế là công cụ tạo nguồn thu cho Nhà nước. Đây cũng là vai trò khởi thủy của thuế.

Đặc trưng nổi bật của thuế trong thời kỳ này là hầu như không có khoản chi nào nhằm quản lý kinh tế - xã hội. Thuế chủ yếu chi cho phục vụ chiến tranh, trả lương, ban thưởng cho quan lại ăn chơi xa hoa...

Nguyên nhân của tình hình trên là:

Thời kỳ này lực lượng sản xuất còn rất thấp kém, phần lớn hoạt động sản xuất là thủ công, nhỏ bé, thô sơ... ý thức hệ của con người cũng chưa phát triển và định hình, cho nên sự can thiệp của Nhà nước vào các quá trình kinh tế cũng chưa ý thức được.

Khoảng thời gian này đang là thời kỳ định hình về mặt lãnh thổ của các quốc gia, tham vọng bá chủ luôn luôn ngự trị trong đầu những người có quyền lực tối cao, cho nên chiến tranh nổ ra liên miên và chi phí lớn cho chiến tranh là lẽ đương nhiên.

Khoa học chủ yếu là triết học, toán học, thiên văn học và khoa học chiến tranh. Chúng nặng về lý thuyết và chưa phổ cập. Các công cụ lao động không được chú ý bằng vũ khí chiến tranh. Các tư tưởng kinh tế chưa mang tính ứng dụng và xa lạ với quảng đại quần chúng.

b. Giai đoạn II: Thời kỳ chuyển sang hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa

Khi xã hội loài người chuyển sang hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa, kéo theo nó là hàng loạt những biến đổi cơ bản và sâu sắc về kinh tế và xã hội.

Nhà nước bắt đầu ý thức được vai trò của mình đối với sự vận hành của nền kinh tế. Từ đó ngày càng can thiệp sâu hơn, mạnh mẽ hơn vào quá trình kinh tế của đất nước. Như vậy Nhà nước đã trực tiếp tham gia thực hiện và điều khiển nền kinh tế vĩ mô.

Tất cả những hoạt động này cùng với các chức năng khác của Nhà nước, đòi hỏi một nguồn vật chất lớn hơn nhiều so với thời kỳ trước đó. Nếu chỉ dựa vào các sắc thuế đã có thì không đủ, hơn nữa lại kém nhân đạo, nên Nhà nước mở rộng nguồn thu bằng cách đặt thêm nhiều sắc thuế khác đa dạng, linh hoạt và tinh xảo hơn, nhằm tăng nguồn thu và kích thích tăng trưởng kinh tế.

Đó cũng chính là đặc trưng lớn nhất của thuế trong thời kỳ này.

c. Giai đoạn 3: Thời kỳ chuyển sang chế độ dân chủ hóa nền kinh tế, xã hội.

Như đã trình bày trong các giai đoạn trước, thuế và sự độc đoán của Nhà nước ngày càng trở thành gánh nặng đối với dân chúng dẫn đến sự phản kháng của dân chúng cũng ngày càng mãnh liệt.

Khi quyền lực tối cao trong xã hội dần dần chuyển sang tay dân chúng (chế độ dân chủ), công bằng xã hội ngày càng được đặt ra như một nhu cầu bức xúc, đòi hỏi Nhà nước phải hướng hoạt động của mình vào sự phát triển toàn diện của dân chúng, phải quan tâm đến những người có hoàn cảnh khó khăn.

Để thực hiện điều này, Nhà nước phải tìm cách điều hoà thu nhập bằng các sắc thuế đánh vào thu nhập cá nhân, lợi tức của doanh nghiệp, vào các hàng hóa và dịch vụ xa xỉ, chuyển chúng về ngân sách Nhà nước để chi dùng cho các mục tiêu xã hội.

Giai đoạn này thuế được xử lý thông minh và kiên quyết hơn. Một mặt không hạn chế ý chí làm giàu của các cá nhân và doanh nghiệp, mặt khác, tăng thêm thu nhập cho Nhà nước, cuối cùng vẫn giữ được tính nhân đạo xã hội.

Tóm lại, qua lịch sử phát triển của thuế cho thấy:

Khi Nhà nước giữ vai trò cách biệt với sự phát triển kinh tế, chỉ giới hạn nhiệm vụ của mình ở các hành vi bạo lực và quản lý hành chính đơn thuần thì nhu cầu chi tiêu cũng giới hạn ở đấy, tất nhiên kéo theo sự hạn chế về các mục tiêu của thuế.

Khi Nhà nước can thiệp sâu rộng vào nền kinh tế, nhu cầu chi tiêu tăng thêm, thì thuế cũng được gia tăng cả về số lượng và chất lượng.

Khi chuyển sang chế độ dân chủ hóa nền kinh tế, xã hội, nhu cầu chi tiêu của chính phủ nhiều hơn và hợp lý hơn. Vì thế thuế được mở rộng và yêu cầu "thông minh" hơn.

Đến đây có thể khẳng định, sự phát triển của thuế đi đôi với sự phát triển của xã hội. Xã hội càng văn minh, thuế càng phát triển, quan niệm về thuế càng trở nên hết sức tự nhiên.

"Chính phủ mạnh và thuế cao là hai khái niệm đồng nhất" (K.Marx).

1.2.2. Lịch sử phát triển của thuế ở Việt Nam

Quá trình phát triển thuế ở Việt Nam cũng có thể chia làm ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Thời kỳ trước thực dân Pháp xâm lược

- Giai đoạn 2: Thời kỳ thuộc địa nửa phong kiến
- Giai đoạn 3: Nước Việt Nam độc lập, thống nhất và xây dựng xã hội chủ nghĩa.

a. Giai đoạn 1: Thời kỳ trước thực dân Pháp xâm lược

Đến thời hậu Lê, thuế được chia thành hai loại chính: thuế trực thu và thuế gián thu.

- Thuế trực thu gồm có thuế thân, thuế điền và thuế tạp dịch.
- Thuế gián thu đánh một cách phân tán vào mọi hoạt động tiểu thủ công nghiệp.

Đến đời nhà Nguyễn, chế độ thuế đại thể cũng được chia thành hai loại là chính phú và tạp phú.

- Chính phú: thuế điền thổ (tò), thuế thân đinh (dung) và thuế điều (tạp dịch).

Thuế điều là một chế độ lao động không được trả công, bắt buộc và phục vụ cho giai cấp thống trị, tính bằng số ngày công nhất định trong một năm.

- Tạp phú: thuế cảng, thuế quan tân, thuế nguồn đầm, thuế hầm mỏ, thuế các hộ sản xuất.

+ Thuế cảng thu vào tàu thuyền nước ngoài cập bến cảng Việt Nam. Căn cứ vào kích thước và quốc tịch mỗi chiếc mà thu theo một định suất thuế có phân biệt, nộp bằng tiền hoặc một phần tiền, một phần hiện vật.

+ Thuế quan tân (nội quan) đánh vào sự giao dịch thông thương qua cửa ải, bến đò, khúc sông, chợ và căn cứ trên giá trị hàng, chủ yếu thu bằng tiền.

+ Thuế nguồn đầm đánh vào các hoạt động sử dụng mặt nước, thu bằng tiền.

+ Thuế hầm mỏ đánh vào hoạt động khai khoáng (vàng, bạc, đồng, kẽm, chì, thiếc...) khai thác sản phẩm gì thì phải nộp thuế bằng sản phẩm đó.

+ Thuế các hộ sản xuất, chế biến, thu lượm (làm giấy, dệt lụa, chiếu, nấu dầu, đục đá, trầm, quế, tôm, mực...) đều phải nộp thuế. Làm ra sản phẩm nào thì nộp thuế theo sản phẩm đó. Người nộp thuế được miễn binh dịch, tạp dịch.

Chế độ thuế của nhà Nguyễn nhìn chung rất khắc nghiệt, phức tạp và tàn nhẫn với dân chúng. Thuế lại do hệ thống quan lại tham nhũng thu trực tiếp hay đầu thầu, nên dân chúng rất oán giận.

b. Giai đoạn 2: Thời kỳ thuộc địa, nửa phong kiến (từ năm 1895 đến tháng 8 năm 1945)

Ngay sau khi xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã đặt chế độ thuế khóa. Nhìn chung chế độ thuế khóa thực dân Pháp vừa nhằm bòn rút dân ta vừa đầu độc làm suy thoái cả dân tộc ta.

Ở miền Trung (Đà Nẵng...) chúng bỏ thuế cảng của nhà Nguyễn, chỉ thu một số lệ phí: đèn pha, tín hiệu, tàu cập bến. Năm 1861 mở thầu trưng thuốc phiện với giá 2,5 triệu Phrăng. Cho phép mở sòng bạc để thu thuế môn bài, sau đó là thuế rượu, rượu vang, bia, thuế khách sạn, quán rượu, tiệm nhậu. Tháng 2 năm 1862, chúng cho phép nhập cảng thuốc phiện để thu thuế doanh thu 10%.

Ở Nam Kỳ có thuế trực thu, thuế gián thu và thuế tem (thuế con niêm), thuế xuất nhập khẩu, thuế kho và lệ phí cảng, tiền bán hoặc cho thuê đất công.

Từ năm 1875, thực dân Pháp thực hiện chế độ quan thuế hỗn hợp. Việc thu thuế được giao hoàn toàn cho nhà cầm quyền Pháp.

Đến năm 1928, chế độ đồng hóa quan thuế giữa Pháp và ba xứ của Việt Nam mới chính thức ban hành. Chế độ này hầu như làm cho Việt Nam chỉ buôn bán với Pháp. Tư bản Pháp dựa vào đó tha hồ bóc lột nhân dân ta.

Đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp bắt đầu cải cách thuế: bỏ chế độ trưng thầu thuế quan và thuế gián thu để thay thế bằng chế độ công quản trực tiếp, do người Pháp trực tiếp cai quản.

Có ba thứ công quản lớn:

- Công quản rượu
- Công quản thuốc phiện
- Công quản muối.

Ở thời kỳ này, chế độ thuế thật nặng nề, bất công và kém nhân đạo.

Sau đây là số liệu tham khảo ngân sách từng xứ Đông Dương và thuế (FF) năm 1939 và 1945.